TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 501/2024/DS - ST.
Ngày: 24/7/2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hoàng Thị Vân

2/ Ông Phạm Văn Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Bích Diệp - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Đang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2024/QĐST – DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Trụ sở: *226*-228 N, phường Võ T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Là nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Công ty SBA).

Địa chỉ nhận thông báo: 278 N, phường Võ T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T, sinh năm: 1971 (Theo giấy ủy quyền số 353/2023/UQ-TGĐ ngày 04/01/2024)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: 22/23A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các lời khai tại Toà án trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày:*

Ngày 12/7/2018, ông Nguyễn Hữu T ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Hữu T, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế số thẻ 970403-1705 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), với mục đích tiêu dùng cá nhân..

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 34.403.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Hữu T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 44.785.740 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Hữu T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên căn cứ Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ngày 23/9/2022 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 24/7/2024, ông Nguyễn Hữu T còn nợ các khoản sau của thẻ tín dụng quốc tế số thẻ 970403-1705:

- Nợ gốc: 9.663.731 đồng;
- Lãi quá hạn: 8.429.773 đồng.

Tổng cộng: 18.093.504 đồng (*Mười tám triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm linh bốn đồng*).

Do vậy, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán một lần toàn bộ hai khoản nợ tạm tính đến ngày 24/7/2024 với tổng số tiền 18.093.504 đồng (*Mười tám triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm linh bốn đồng*) cho Ngân hàng TMCP S ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu T tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ khi tòa xét xử đến khi trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không có mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Scó mặt và giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán một lần toàn bộ hai khoản nợ tạm tính đến ngày 24/7/2024 với tổng số tiền là: 18,093,504 đồng (*Mười tám triệu*

không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm linh bốn đồng) cho Ngân hàng TMCP S ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Hữu T là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và pháp luật về hợp đồng tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Nguyễn Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Hữu T thanh toán tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 18,093,504 đồng (*Mười tám triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm linh bốn đồng*). Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Hữu T là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Hữu T không đăng ký thường trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ: 22/23A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh, tuy nhiên, trong hồ sơ khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có cung cấp Sổ tạm trú số 1640, thể hiện ông Nguyễn Hữu T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: 22/23A ấp A, xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh từ ngày 11/01/2018 đến ngày 11/01/2020 và trong Hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Hữu T khai địa chỉ cư trú tại 22/23A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Theo kết quả xác minh của xã Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Hữu T không đăng ký thường trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ: 22/23A ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh, tuy nhiên, trong hồ sơ khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có cung cấp Sổ tạm trú số 1640, thể hiện ông Nguyễn Hữu T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: 22/23A ấp

A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh từ ngày 11/01/2018 đến ngày 11/01/2020 và trong Hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Hữu T khai địa chỉ cư trú tại 22/23A ấp A, xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì: *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung*. Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt. Do ông Nguyễn Hữu T đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T thanh toán số tiền nợ gốc là 9.663.731 đồng (Chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng):*

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Svà ông Nguyễn Hữu T có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần Sđã phát hành cho ông Nguyễn Hữu T thẻ tín dụng quốc tế số 970403-1705, hình thức đảm bảo tín chấp, hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), lãi suất: cách tính lãi, phí được quy định tại Điều 22, 23, 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối.

Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng và đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các chứng cứ do phía ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 24/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Hữu T còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 9.663.731 đồng *(Chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng)*.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 9.663.731 đồng *(Chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng)* cho phía nguyên đơn.

3.2. *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T thanh toán tiền lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 8,429,773 đồng (Tám triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.*

Xét, do bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn, cụ thể thẻ tín dụng số 970403-1705 chấm dứt ngày 23/9/2022 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do nguyên đơn công bố được áp dụng cho thẻ tín dụng cấp cho bị đơn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử nhận có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 8,429,773 đồng *(Tám triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng)*.

Ngoài ra, căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Skhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 196, 207, 208, 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 24/7/2024 là: 18,093,504 đồng (*Mười tám triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm linh bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc là 9.663.731 đồng; Nợ lãi là 8,429,773 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Hữu T ngày 12/7/2018 đối với thẻ tín dụng quốc tế số 970403-1705.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

[2]. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 904.675 đồng (*Chín trăm linh bốn nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ssố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 387.952 đồng (*Ba trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi hai đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033613 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hữu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đối với thẻ tín dụng quốc tế số 970403-1705 được ký kết ngày 12/7/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Svà ông Nguyễn Hữu T.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- CC THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Trang